TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2019
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Ân

2. Ông Phan Thanh Tùng

Thư ký phiên toà: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Thu S,** sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Cạn Vàm, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

(Chị S có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Dũng E,** sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Cạn V, xã Thạnh Y, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

Chổ ở hiện nay: ấp An N, xã Bình A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên G.

(Anh Dũng E vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-8-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu S trình bày: Vào năm 2004, chị và anh Huỳnh Dũng E quen biết và cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan

điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cải, không hợp nhau về tính tình, cách sống. Mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến nhau và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau. Sau đó đến tháng 5 năm 2019 anh Dũng E đã về ấp An N, xã Bình A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên G sinh sống cho đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Dũng E nữa nên chị quyết định ly hôn với anh Dũng E.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Dũng E có 02 người con chung tên Huỳnh Chí B, sinh ngày 05/11/2005 và Huỳnh Thị Y, sinh ngày 02/02/2008, hiện nay con đang sống với chị.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có tạo lập được một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị Thu S

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Huỳnh Dũng E.

- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Chí B, sinh ngày 05/11/2005 và Huỳnh Thị Y, sinh ngày 02/02/2008, không yêu cầu anh Dũng E cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14-9-2019 và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Huỳnh Dũng E trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị S về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có là đúng.

Nay chị S xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Đồng ý giao 02 con chung tên Huỳnh Chí B, sinh ngày 05/11/2005 và Huỳnh Thị Y, sinh ngày 02/02/2008 cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Dũng E có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 09-8-2019 chị Huỳnh Thị Thu S có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Huỳnh Dũng E. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn anh Huỳnh Dũng E có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Thu S và anh Huỳnh Dũng E chung sống với nhau vào năm 2004 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó không công nhận chị Huỳnh Thị Thu S và anh Huỳnh Dũng E là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị S và anh Dũng E đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Huỳnh Chí B, sinh ngày 05/11/2005 và Huỳnh Thị Y, sinh ngày 02/02/2008, hiện các con do chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị S và anh E thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung Huỳnh Chí B, sinh ngày 05/11/2005 và Huỳnh Thị Y, sinh ngày 02/02/2008 cho chị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của chị S và anh Dũng E phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu B và cháu Ý, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị S về quyền yêu cầu anh Dũng E cấp dưỡng nuôi cháu B, cháu Y cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật nhưng chị S xác định không yêu cầu anh Dũng E cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xE xét.

[5] Về tài sản chung: Chị S và anh Dũng E xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét. Nếu sau khi ly hôn anh chị có phát sinh tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng thì anh chị có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về nợ chung: Chị S và anh Dũng E cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị S là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị Thu S và anh Huỳnh Dũng E.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Huỳnh Thị Thu S và anh Huỳnh Dũng E giao hai con chung tên Huỳnh Chí B, sinh ngày 05/11/2005 và Huỳnh Thị Y, sinh ngày 02/02/2008 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của con). Chị S không yêu cầu anh Dũng E cấp dưỡng nuôi con.

Anh Dũng E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Thu S và anh Huỳnh Dũng E xác nhận thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xE xét.

4. Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thu S và Huỳnh Dũng E xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xE xét.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thu S phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005114 ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; chị S không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

7. Quyền kháng cáo: Chị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dũng E vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.